

Bản án số: 140/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26-12-2024

V/v: *Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: **Ông Vũ Dũng**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Trương Xuân Vũ**

Ông Hoàng Văn Khiếu

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: **Bà Nguyễn Hoàng Ngọc Triều**- Thư ký
Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa:
Bà Diễm Thị Thanh Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái. Xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 261/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2024 về “*Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 143/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 96/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15-11-2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trương Thị T

- *Bị đơn*: Anh Hoàng Công T1

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã L1, huyện L, tỉnh Yên Bái.

- *Người làm chứng*: Bà Triệu Thị T2

Địa chỉ: Thôn N, xã L1, huyện L, tỉnh Yên Bái.

(Các đương sự cùng vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và Bản tự khai ngày 16-10-2024, nguyên đơn là chị Trương Thị T trình bày: Chị và anh Hoàng Công T1 đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L1, huyện L ngày 14-11-2019. Sau khi kết hôn hai người chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi cọ. Nên hai người đã sống ly thân từ tháng 4-2024 đến nay, không còn tình cảm gì

với nhau nữa. Vì vậy chị Trương Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Hoàng Công T1.

Về con chung, chị Trương Thị T xác định giữa hai người có 01 con chung là cháu Hoàng Đức H - sinh ngày 05-02-2020

Hiện nay cháu đang sống cùng bố và bà nội là bà Triệu Thị T2 tại thôn N, xã L1, huyện L, tỉnh Yên Bái.

Chị Trương Thị T đề nghị giao cháu Hoàng Đức H cho anh Hoàng Công T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trương Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 19-11-2024, chị Trương Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến theo nội dung đã trình bày tại bản tự khai.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 21 tháng 11 năm 2024, bà Triệu Thị T2 (Là mẹ đẻ anh Hoàng Công T1) trình bày:

Anh Hoàng Công T1 và chị Trương Thị T kết hôn năm 2019 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L1. Sau khi kết hôn hai người chủ yếu đi làm ăn xa, sau đó xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm về kinh tế. Anh Hoàng Công T1 mãi chơi không chăm lo cho gia đình. Hai người đã sống ly thân từ đầu năm 2024 và không còn quan tâm đến nhau nữa. Hiện nay anh Hoàng Công T1 đang làm ăn ở Bắc Ninh và vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình, thỉnh thoảng vẫn về nhà. Các giấy tờ do Tòa án giao, bà đã thông báo cho anh Hoàng Công T1 biết. Anh Hoàng Công T1 có thông tin lại là nhất trí ly hôn và đề nghị được nuôi con chung. Do đi làm ăn xa nên anh Hoàng Công T1 sẽ không về giải quyết, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hai người có 01 con chung, hiện nay cháu đang đi học và sinh sống ổn định cùng bà và anh Hoàng Công T1. Hiện nay chị Trương Thị T cũng đang đi làm ăn xa nên bà có nguyện vọng được nuôi cháu cùng anh Hoàng Công T1 và đề nghị chị Trương Thị T hàng tháng có trách nhiệm với con để đảm bảo cho cháu ăn học.

Tại Biên bản xác minh ngày 21 tháng 11 năm 2024, ông Nông Minh Đ - Trưởng thôn N, xã L1, huyện L cung cấp nội dung:

Chị Trương Thị T và anh Hoàng Công T1 đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, hai người cùng đi làm ăn xa. Quá trình chung sống hai người có mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Hoàng Công T1 nợ nần nhiều và không chăm lo đến gia đình. Vợ chồng bất đồng quan điểm sống và đã ly thân từ năm 2023, hiện tại anh Hoàng Công T1 đang đi làm ăn xa nhưng vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình. Anh Hoàng Công T1 sống chung với mẹ đẻ là bà Triệu Thị T2.

Về con chung hai người có 01 cháu là Hoàng Đức H – sinh năm 2020, hiện tại cháu đang sống cùng bố và bà nội tại thôn N. Điều kiện gia đình đảm bảo cho việc nuôi dưỡng, giáo dục cháu. Anh Hoàng Công T1 hiện đang làm công nhân, có thu nhập. chị Trương Thị T cũng đang đi làm ăn xa, nhà bố mẹ đẻ ở tỉnh Cao Bằng.

Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái đã nhiều lần tổng đạt văn bản tố tụng cho anh Hoàng Công T1 thông qua người thân thích là bà Triệu Thị T2, là mẹ đẻ ở cùng nơi cư trú. Bà Triệu Thị T2 thừa nhận đã thông tin lại nội dung các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Hoàng Công T1 theo đúng thời hạn nhưng anh Hoàng Công T1 đều vắng mặt. Nên không có lời khai.

Ngày 28-11-2024, Toà án nhân dân huyện L tỉnh Yên Bái mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải. Do anh Hoàng Công T1 vắng mặt và chị Trương Thị T có đơn từ chối hoà giải nên phiên họp không thể tiến hành được.

Tại phiên toà, các đương sự đều vắng mặt nên Hội đồng xét xử công bố lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái tại phiên toà: Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên toà, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo đúng theo quy định của tố tụng dân sự. Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng, đủ người tham gia tố tụng. Nguyên đơn có đề nghị xử vắng mặt, bị đơn và người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, nên việc xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung, căn cứ trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp và nội dung xác minh tại cơ sở thấy rằng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về ly hôn và tranh chấp nuôi con chung là có căn cứ do hiện nay tình trạng vợ chồng giữa các đương sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Việc nguyên đơn đề nghị bị đơn nuôi con chung là phù hợp với thực tế hiện nay cháu Hoàng Đức H đang sinh sống, học tập ổn định với bố và bà nội. Mặt khác, chị Trương Thị T cũng đang đi làm ăn xa, nên điều kiện nuôi con không đảm bảo. Vì vậy cần căn cứ vào quy định tại các Điều 51, Điều 56, các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho nguyên đơn ly hôn với bị đơn và giao con chung cho bị đơn nuôi dưỡng. Do bị đơn không có ý kiến về cấp dưỡng nuôi con, nên không có căn cứ để giải quyết về nội dung này.

Về tài sản chung: Do các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

Về án phí và quyền kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn có yêu cầu giải quyết ly hôn và tranh chấp về nuôi con với bị đơn cư trú tại xã L1, huyện L, tỉnh Yên Bái. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng. Nguyên đơn có đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy Tòa án căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và Giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã L1, huyện L cấp ngày 14-11-2019. Thể hiện việc kết hôn giữa anh Hoàng Công T1 và chị Trương Thị T là hợp pháp. Theo lời khai của nguyên đơn thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2021, do không thể hàn gắn được nên hai người đã sống ly thân. Lời khai của nguyên đơn về tình trạng hôn nhân của vợ chồng phù hợp với lời khai của bà Triệu Thị T2 (*Là mẹ đẻ anh Hoàng Công T1 và cùng chung sống với các đương sự*); phù hợp với nội dung do Trưởng thôn N, xã L1 cung cấp. Nên có đủ căn cứ để khẳng định hôn nhân của vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để xử cho chị Trương Thị T ly hôn với anh Hoàng Công T1.

[2.2] Về con chung: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, của bà Triệu Thị T2 và giấy khai sinh, thể hiện: Chị Trương Thị T và anh Hoàng Công T1 có 01 con chung là cháu Hoàng Đức H, sinh ngày 05-02-2020.

Hiện nay cháu đang sống cùng bố và gia đình bà Triệu Thị T2 (*Bà nội*) tại thôn N, xã L1, huyện L, tỉnh Yên Bái.

Do hiện nay cháu đang sinh sống ổn định tại thôn N, xã L1, huyện L, tỉnh Yên Bái cùng bố và bà nội; chị Trương Thị T cũng có nguyện vọng giao cháu cho anh Hoàng Công T1 trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Vì vậy, căn cứ vào quy định của các Điều 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình để chấp nhận yêu cầu của chị Trương Thị T để giao cho anh Hoàng Công T1 trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hoàng Đức H.

Do chị Trương Thị T đề nghị không phải cấp dưỡng nuôi con chung; anh Hoàng Công T1 không tham gia tố tụng, không có ý kiến, yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con. Nên Hội đồng xét xử không giải quyết về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi

con. Anh Hoàng Công T1 có quyền khởi kiện để yêu cầu chị Trương Thị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Các đương sự có quyền yêu cầu Toà án xem xét, giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết. Vì vậy, Toà án không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng: Chị Trương Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Yên Bái về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14. Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Trương Thị T

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị T được ly hôn với anh Hoàng Công T1.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Đức H - sinh ngày 05-02-2020 cho anh Hoàng Công T1 được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Chị Trương Thị T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi cần, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: Chị Trương Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số: AA/2024/0001259 ngày 06-11-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Yên Bái. Chị Trương Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Trương Thị T, anh Hoàng Công T1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành

án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện L;
- Các đương sự
- THA Dân sự huyện L;
- Niêm yết, UBND xã L1
- Lưu: Hồ sơ,

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Dũng

